TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 23- 02 - 2022
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Lan Anh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến và bà Dương Thị Huệ
- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Thanh Lan – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.
***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà*:** Không tham gia.

Ngày 23 tháng 02 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/ 2022/TLST - HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Bùi Công S, sinh năm 1972
Bị đơn: Chị Đồng Thủy Ng, sinh năm 1972
Đều trú tại: Xóm **X**, xã **B**, Tp Sông Công, Thái Nguyên
(Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn anh Bùi Công S trình bầy:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Đồng Thủy Ng có quan hệ tình cảm và chung sống với nhau tự nguyện, không bị ép buộc từ năm 1993 có tổ chức đám cưới vào ngày 08/10/1993. Anh, chị không đăng ký kết hôn tại UBND xã. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, từ năm 2020 đến nay anh và chị Ng không còn quan hệ tình cảm. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn anh đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Ng.

- Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Ng có 03 con chung là Bùi Thu Quỳnh, sinh ngày 16/02/1995; Bùi Thu Nguyệt Anh, sinh ngày 29/3/2002;

Bùi Công Minh, sinh ngày 29/3/2002. Các con chung đã trưởng thành, đủ sức khỏe và khả năng lao động nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh tự nguyện nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

**** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải bị đơn chị Đồng Thủy Ng trình bày:*** Chị xác nhận thông tin như anh S trình bày là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian, sau đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nhưng trong cuộc sống vợ chồng sẽ nảy sinh những vấn đề cãi vã là bình thường. Nay anh S làm đơn xin ly hôn, chị mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con chung nhưng nếu anh S vẫn cương quyết ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh S có 03 con chung là Bùi Thu Quỳnh, sinh ngày 16/02/1995; Bùi Thu Nguyệt Anh, sinh ngày 29/3/2002; Bùi Công Minh, sinh ngày 29/3/2002. Các con chung đã trưởng thành, đủ sức khỏe và khả năng lao động nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia và gia đình về ly hôn. Bị đơn cư trú tại Xóm **X**, xã **B**, thành phố Sông Công, Thái Nguyên. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Theo anh S và chị Ng khai, anh, chị chung sống từ năm 1993 (sau thời điểm ngày 03/01/1987, là ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật), nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Như vậy, anh S xin ly hôn, căn cứ quy định Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Toà án quyết định tuyên bố không công nhận anh S và chị Ng là vợ chồng.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống, anh S và chị Ng có 03 con chung là Bùi Thu Quỳnh, sinh ngày 16/02/1995; Bùi Thu Nguyệt Anh, sinh ngày 29/3/2002; Bùi Công Minh, sinh ngày 29/3/2002, hiện các con đã trên 18 tuổi, có đủ khả năng lao động để tự chăm lo cho cuộc sống của mình. Cả anh S và chị Ng đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Anh S và chị Ng đều không có yêu cầu giải quyết, nên trong vụ án này Tòa án không xem xét. Sau này, nếu anh S và chị Ng có yêu cầu, sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 28, 35,39, 147, Điều 235, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/ NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Bùi Công S và chị Đồng Thủy Ng.

2. Về con chung: Anh S, chị Ng có 03 con chung là Bùi Thu Quỳnh, sinh ngày 16/02/1995; Bùi Thu Nguyệt Anh, sinh ngày 29/3/2002; Bùi Công Minh, sinh ngày 29/3/2002, hiện 03 con đã thành niên, đủ khả năng lao động. Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Anh Bùi Công S phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào Ng sách Nhà nước, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001535 ngày 05/01/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sông Công, Thái Nguyên.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Anh S, chị Ng có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND TPSC tỉnh TN;
- Chi cục THATPSC tỉnh TN;
- Các đương sự;
- UBND xã **B** TPSCTN;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Lan Anh